

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HSST
Ngày 14/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Nam Anh Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Siu Thun Phrào và bà Mai Thị Thanh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Niên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án Nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2022/TLST – HS ngày 10 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST – HS ngày 01 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T, sinh năm 2002; tại huyện P, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn thôn M, xã G, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại (anh Lê Đức Q, đã chết):

- Ông Lê Viết T, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Lệ N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Plei Thơnh Nhueng, xã I, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Đào V, sinh ngày 01/10/2004. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh G.

2. Anh Nguyễn Văn Nghĩa, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh G.

3. Anh Nguyễn Viết Trung T, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Hòa Bình, thị trấn N, huyện C, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13h ngày 30/4/2022, Nguyễn Quang T cùng với Lê Đức Q và một số người bạn ngồi ăn nhậu, uống bia (loại bia Larue) tại quán 2Hy thuộc thôn Hòa Tín, thị trấn N, huyện C, tỉnh G. Đến khoảng 16h30' cùng ngày thì nghỉ nhậu (T uống khoảng 06 – 07 lon bia, Q uống khoảng 05 lon bia). Lúc này, T (Có Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định) trực tiếp điều khiển xe mô tô BKS: 75K1 – 574.21 (nhãn hiệu Hoanda – Vario 125, màu sơn trắng, đen, dung tích xilanh 125cm³) chở Q ngồi phía sau đi trên đường Hồ Chí Minh theo hướng G đi Đắc Lắc, cả hai đều đội mũ bảo hiểm. Trên đường đi thì Q nói T dừng xe lại để Q chở cho thì T đồng ý và dừng xe lại rồi T ngồi lui ra phía sau yên xe và giao xe cho Q điều khiển. Q (có Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định) trực tiếp điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau tiếp tục đi trên đường Hồ Chí Minh theo hướng G đi Đắc Lắc. Khi đến km 1660 + 309m đường Hồ Chí Minh thuộc thôn Phú Bình, xã Ia Le, huyện C, tỉnh G thì xe mô tô do Q điều khiển tông vào cọc tiêu bằng bê tông bên lề đường phải tính theo hướng xe mô tô do Q điều khiển làm Q và T ngã văng vào lề đường.

Hậu quả: Lê Đức Q chết khi đang cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện C, Nguyễn Quang T bị xây xát nhẹ, xe mô tô bị hư hỏng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã phối hợp với các ngành chức năng tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi. Hiện trường nơi xảy ra tai nạn tại km 1660 + 309m đường Hồ Chí Minh thuộc thôn Phú Bình, xã Ia Le, huyện C, tỉnh G. Nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường được trải nhựa phẳng, mặt đường rộng 10,7m; có vạch sơn vàng liên tục kẻ giữa tim đường, tại khu vực đầu hiện trường tai nạn là vòng cua bên trái tính theo hướng G đi Đắc Lắc. Tiến hành khám nghiệm và đo vẽ về bên mép đường bên phải tính theo hướng từ G đi Đắc Lắc có các dấu vết như sau:

- Trên phần đất bên lề đường phải phát hiện vết (1) là hố đất mới, màu nâu, ẩm, có kích thước dài 0,7m; rộng 0,54m; sâu 0,35m. Đo từ tâm vết (1) đến mép đường phải là 0,7m; đo đến tâm vết (2) là 0,5m.

- Vết (2) là dếp nhựa dẻo, chân phải, có màu đỏ, loại dếp tổ ong, nằm trên miệng vết (1) và song song với mặt đường, có kích thước dài 0,26m; rộng 0,1m; phần đầu quay hướng Đắc Lắc, phần đuôi quay hướng G. Đo từ tâm vết (2) đến mép đường phải là 1m, đo đến đỉnh vết (3) là 1,4m.

- Vết (3) là cọc tiêu đường bộ, chất liệu bằng bê tông, được sơn hai màu đỏ và trắng, nằm trên phần đất bên lề đường phải và ngang so với mặt đường, phần đỉnh quay ra phía mặt đường. Vết (3) bao gồm phần thân và móng, phần thân có kích thước (0,74x0,15x0,14)m, phần móng có kích thước (0,39x0,36x0,3)m. Sau tai nạn, vết (3) bị bung khỏi vị trí lắp đặt ban đầu, trên phần thân phát hiện có vết bề vỡ bê tông có kích thước (0,18x0,14)m. Đo từ đỉnh vết (3) đến mép đường phải là 0,7m, đo đến đầu vết (4) là 4,2m.

- Vết (4) là vết cà đơn không liên tục, nằm trên mặt đường phải, đẩy theo chiều từ sau ra trước, từ phải sang trái, có kích thước (9,45x0,01)m. Đo từ đầu vết (4) đến mép đường phải là 1m, đo đến tâm vết (5) là 5,8m; đo đến tâm vết (6) là 4,6m. Đo từ cuối vết (4) đến mép đường phải là 2,4m.

- Vết (5) là vết dập cỏ cây, nằm trên phần đất bên lề đường phải, thấp hơn so với lề đường, có kích thước (1,4x1,1)m. Đo từ tâm vết (5) đến mép đường phải là 4,4m; đo đến tâm vết (6) là 0,5m.

- Vết (6) là khẩu trang vải màu trắng, có kích thước (0,2x0,08m), nằm trên phần đất bên lề đường phải, thấp hơn so với mặt đường. Đo từ tâm vết (6) đến mép đường phải là 3,9m; đo đến tâm vết (7) là 4,8m.

- Vết (7) là móc chìa khóa, chất liệu nhựa dẻo không rõ hình, màu đen-trắng, có kích thước (0,05x0,03)m, nằm trên mặt đường phải. Đo từ tâm vết (7) đến mép đường phải là 0,4m, đo đến đầu vết (4) là 3,6m, đo đến tâm vết (8) là 8m.

- Vết (8) là dép nhựa dẻo, chân trái, có màu đỏ, loại dép tổ ong, nằm trên phần đất bên lề đường phải, hơi chéo so với mặt đường, có kích thước dài 0,26m, rộng 0,1m, phần đầu quay hướng Đắc Lắc, phần đuôi quay hướng G. Đo từ tâm vết (8) đến mép đường phải là 0,6m, đo đến cuối vết (4) là 3,62m.

Trên cơ sở khám nghiệm tử thi, tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 323 ngày 09/5/2022, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận nguyên nhân chết của Lê Đức Q là: Trần khí, tràn máu khoang màng phổi trái do chấn thương ngực kín.

Tại biên bản kiểm tra nồng độ cồn ngày 30/4/2022 của Công an huyện C đối với Nguyễn Quang T thì kết quả nồng độ cồn trong hơi thở của T là: 0,580 miligam/1 lít khí thở.

Tại phiếu xét nghiệm sinh hóa máu ngày 01/5/2022 của Bệnh viện đa khoa tỉnh G đối với Lê Đức Q thì kết quả nồng độ cồn trong máu của Q là: 178,0 mg/dl.

Tại Kết luận định giá tài sản số 35 ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị thực tế phần hư hỏng của xe mô tô BKS: 75K1 – 574.21 là 2.060.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô BKS: 75K1 – 574.21 (nhãn hiệu Hoanda – Vario, màu sơn trắng-đen, dung tích xilanh 125cm³), quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Quang T nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý giao trả chiếc xe trên cho Nguyễn Quang T nhận là đúng quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại Bản cáo trạng số 34/CT – VKS ngày 10/11/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang T từ 06 – 12 tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh T giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Về hình phạt bổ sung; khấu trừ một phần thu nhập và lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ: Xét bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định, nên đề nghị không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Miễn xét.
- Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo.
- Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo rất ăn năn hối lỗi việc làm của mình, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ. Bị cáo biết Lê Đức Q đã sử dụng rượu, bia (Có nồng độ cồn vượt quá quy định), nhưng bị cáo vẫn giao xe mô tô của bị cáo cho Q điều khiển tham gia giao thông. Hành vi của bị cáo vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 4; khoản 10 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Hậu quả xảy ra tai nạn làm thiệt hại tính mạng 01 người là Lê Đức Q. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Xét thấy, hiện nay tai nạn giao thông trên cả nước nói chung và địa bàn huyện C nói riêng xảy ra nhiều và rất phức tạp, gây hoang mang lo sợ đối với những người khi tham gia giao thông, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra tai nạn, xâm phạm đến sức khỏe cũng như tính mạng cho người khác mà nguyên nhân chủ yếu là do người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ. Hậu quả của nó để lại là nỗi đau thương cho gia đình bị hại, để lại gánh nặng cho xã hội. Để góp phần lập lại trật tự, an toàn giao thông đường bộ, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi và hậu quả bị cáo gây ra thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt chính: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; Điều 36 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung; Về khấu trừ một phần thu nhập và lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ: Xét bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập và lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ là hợp lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp cho bị hại không có yêu cầu bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô BKS: 75K1 – 574.21 (Nhãn hiệu Hoanda – Vario, màu sơn trắng, đen, dung tích xilanh 125cm³) là tài sản hợp pháp của Nguyễn Quang T nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý giao trả chiếc xe trên cho T nhận là đúng quy định; Nguyễn Quang T không có yêu cầu gì, nên miễn xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Quang T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh T giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo quy định của Pháp luật Thi hành án Hình sự.

2. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Những người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- THAHS;
- CC.THADS huyện C;
- Sở Tư pháp tỉnh G;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Nam Anh Chính